

CÔNG KHAI TỔNG THU NHẬP CB - GV - NV THÁNG 7/2024

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	LƯƠNG NGÂN SÁCH	NQ08 QUÝ 2/2024	Giữ trẻ hệ 1 từ 17/6 - 12/7	PVAS hệ 1 từ 17/6 - 12/7	Năng khiếu hệ 1 từ 17/6 - 12/7	NVND tháng 6.2024	TỔNG THU NHẬP	Ký tên
1	Nguyễn Thị Kim Ngân	Hiệu trưởng	16.865.466		5.304.494	984.171	284.864		23.438.995	
2	Nguyễn Thị Xuân Phương	Phó HT	13.077.288	26.103.600	4.788.779	888.488	207.713		45.065.868	
3	Vũ Đình Uyên Phương	GV - KT nhà trẻ	16.758.725	25.174.800	2.525.950	468.653			44.928.127	
4	Lê Phạm Tường Vân	GV-KT mầm	16.925.625	22.377.600	2.525.950	468.653	98.137		42.395.965	
5	Nguyễn Thị Mai Phương	Giáo viên	16.306.875	24.740.640	2.546.999	472.558	107.951		44.175.024	
6	Hoàng Thị Ngọc Chi	Giáo viên	11.810.387	15.811.200					27.621.587	
7	Lê Phương Thảo Ly	Giáo viên	11.397.649	20.159.280	5.051.899	937.306	196.275		37.742.408	
8	Huỳnh Thị Cẩm Tú	Giáo viên	17.317.481	27.208.742	2.525.950	468.653			47.520.825	
9	Đinh Thị Hoa	Giáo viên	16.185.994	31.687.200	1.157.727	214.799	49.068		49.294.788	
10	Nguyễn Thị Thu Trang	Giáo viên	14.645.591	25.226.640	3.788.924	702.979	147.206		44.511.341	
11	Trần Đăng Ngọc Hương	Giáo viên	9.541.863	16.689.240	4.799.304	890.440			31.920.847	
12	Hồ Ngọc Anh	Giáo viên	11.281.581	19.593.900	2.315.454	429.598	98.137		33.718.671	
13	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Giáo viên	8.613.893	18.393.382	3.473.181	644.398	147.206		31.272.059	
14	Võ Thị Thùy Dung	Giáo viên	8.526.254	18.727.200	4.630.908	859.197	196.275		32.939.833	
15	Nguyễn Thị Kim Ngân	Giáo viên	6.981.660	12.448.080	3.536.329	656.114	137.392		23.759.576	
16	Nguyễn Thanh Thảo	Giáo viên	7.923.510	17.969.850	3.473.181	644.398	147.206		30.158.144	
17	Trịnh Thị Diễm Dung	Giáo viên	8.613.893	14.981.760	3.473.181	644.398	147.206		27.860.437	

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	LƯƠNG NGÂN SÁCH	NG08 QUÝ 2/2024	Giữ trẻ hệ 1 từ 17/6 - 12/7	PVAS hệ 1 từ 17/6 - 12/7	Năng khiếu hệ 1 từ 17/6 - 12/7	NVND tháng 6.2024	TỔNG THU NHẬP	Ký tên
18	Trần Phạm Ngọc Thắm	Giáo viên	6.551.100	8.336.021					14.887.121	
19	Dương Thị Hoa	Cấp dưỡng	7.955.460	21.677.760	3.157.437	585.816			33.376.473	
20	Trần Tăng Hải	Cấp dưỡng - TT bếp	7.955.460	21.677.760	3.157.437	585.816			33.376.473	
21	Tô Mỹ Châu	NV nuôi dưỡng	7.354.600	4.160.000	4209915,92	781.088	98.137		16.603.741	
22	Phạm Trí Dũng	Bảo vệ	5.058.600	4.400.000	3367932,74	624.870	31.652		13.483.055	
23	Nguyễn Văn Phú	Bảo vệ	4.538.600	4.400.000	3.367.933	624.870	31.652		12.963.055	
24	Lê Thị Bích Thủy	NVPV						7.500.000	7.500.000	
25	Lê Thị Duyên	Văn Thư - Thủ quỹ	3.833.460	11.249.280	3.157.437	585.816	118.693		18.944.686	
26	Phạm Thị Kiều Hạnh	Kế toán	6.198.120	21.681.000	4.167.817	773.277	170.918		32.991.132	
27	Nguyễn Thị Lam	NVND - Y tế						7.300.000	7.300.000	
28	Tô Kim Ngân	NV nuôi dưỡng						6.800.000	6.800.000	
29	Trần Thị Thắm	NVPV	4.188.600	4.160.000	3.367.933	624.870			12.341.403	
	Tổng cộng		266.407.735	439.034.935	83.872.050	15.561.225	2.415.690	21.600.000	828.891.635	

Kế Toán

[Signature]

Phạm Thị Kiều Hạnh

Ngày 31 tháng 07 năm 2024
 Hiệu trưởng
[Signature]
 NGUYỄN THỊ KIM NGÂN